

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 7 - 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Ngọc Liêm
2. Ông Tôn Phước Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Vinh - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 302/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 316, T17, ấp MHA, xã MHĐ, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp MT, xã MHĐ, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị S và ông Huỳnh Thanh L tự tìm hiểu và tiến tới

chung sống như vợ chồng từ năm 2008, gia đình hai bên có tổ chức đám cưới cho chị S và anh L. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại ấp MT, xã MHD, huyện CM, tỉnh An Giang. Đến năm 2017, chị S và anh L đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh L sử dụng ma túy, ăn nhậu, chửi và đánh đập chị S, không quan tâm gia đình. Khi anh L sử dụng ma túy, ăn nhậu thì chị S và gia đình có động viên để anh L sửa chữa sai lầm. Năm 2019, gia đình có đưa anh L đi cai nghiện ma túy ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, anh L đi cai nghiện được 03 tuần thì bỏ về nên không cai nghiện được. Tháng 02/2022, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân, anh L không sửa chữa và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị S yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Đ, sinh ngày 06/4/2009 và Huỳnh Anh T, sinh ngày 27/12/2017. Hiện nay, các con chung đang sống chung đang sống với chị S. Khi ly hôn, chị S yêu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Huỳnh Thanh L cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị S đang làm công nhân ở lò gạch tại xã Mỹ Hội Đông, thu nhập bình quân mỗi tháng là 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Huỳnh Thanh L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Chị Trần Thị S trình bày: Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn khoảng giữa năm 2015, do anh L thường xuyên uống rượu, chửi mắng và đánh đập chị S; anh L không quan tâm chăm lo cho gia đình và có hành vi sử dụng ma túy. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt, không còn tiếng nói chung từ năm 2017 nhưng vì con còn nhỏ nên chị S cố gắng chung sống với anh L. Đến tháng 02/2022 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh L không có liên lạc thăm nom vợ con và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; gia đình 02 bên không có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị S và anh L. Đối với con chung tên Trần Thị Đ, do thời điểm sinh cháu Đ, chị S và anh L chưa đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh mới không có tên cha. Do đó, chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Huỳnh Thanh L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị S. Về quan hệ hôn nhân, chị Trần Thị S được ly hôn anh Huỳnh Thanh L. Về con chung, chị Trần Thị S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thị Đ, sinh ngày 06/4/2009 và Huỳnh Anh T, sinh ngày 27/12/2017; anh Huỳnh Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị S khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Huỳnh Thanh L và trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Huỳnh Thanh L có nơi cư trú tại ấp MT, xã MHD, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Huỳnh Thanh L theo quy định của pháp luật nhưng anh Huỳnh Thanh L vắng mặt không có lý do chính đáng và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị S nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Tại phiên tòa, anh Huỳnh Thanh L đã được triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Huỳnh Thanh L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị S cho rằng, chị S và anh L do tự tìm hiểu nên tiến đến hôn nhân vào 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 04/12/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến khoảng giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L có hành vi sử dụng ma túy, chửi mắng và đánh đập chị S; anh L không quan tâm chăm lo cho gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt và không còn tiếng nói chung từ năm 2017 nhưng do con còn nhỏ nên chị S vẫn cố gắng sinh sống với anh L. Đến tháng 02/2022, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh L không có liên lạc thăm nom vợ con và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; gia đình 02 bên có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị S và anh L nhưng không hàn gắn được.

Xét thấy, chị Trần Thị S và anh Huỳnh Thanh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh Huỳnh

Thanh L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị S, thể hiện anh Huỳnh Thanh L không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị S và anh L theo quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được nên lời trình bày của chị S về tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh L là có cơ sở chấp nhận. Nói cách khác, đã có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị S yêu cầu ly hôn anh L phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung: Chị Trần Thị S xác định vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Đ, sinh ngày 06/4/2009 và Huỳnh Anh T, sinh ngày 27/12/2017. Thời điểm sinh cháu Đ do chị S và anh L chưa đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh không có tên cha. Cháu Đ và cháu T sống với chị S từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, chị S yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung.

Xét thấy, đối với cháu Trần Thị Đ, tuy trong giấy khai sinh không có tên cha (Huỳnh Thanh L) nhưng lời khai của chị S về thời điểm cháu Trần Thị Đ được sinh ra (ngày 06/4/2009) phù hợp với thời gian mà chị S và anh L chung sống như vợ chồng, phù hợp với Biên bản xác minh ngày 27/7/2022. Mặt khác, anh Huỳnh Thanh L đã được tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng anh L không có ý kiến phản đối đối với lời khai của chị S theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có đủ căn cứ xác định anh Huỳnh Thanh L và chị Trần Thị S có 02 con chung tên Trần Thị Đ, sinh ngày 06/4/2009 và Huỳnh Anh T, sinh ngày 27/12/2017.

Việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Khi vợ chồng sống ly thân, cháu Đ và cháu T sinh sống với chị S cho đến nay nên tình cảm của cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng; quá trình sinh sống với chị S, cháu Đ và cháu T được đi học và phát triển bình thường. Mặt khác, chị S cũng có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống với chị S. Để ổn định cuộc sống cho cháu Đ và cháu T, giúp các cháu phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị S khi ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nên anh Huỳnh Thanh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội

đồng xét xử không đặt ra đề xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra đề xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị S.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S được ly hôn anh Huỳnh Thanh L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 227 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 04/12/2017 cho chị Trần Thị S và anh Huỳnh Thanh L không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Trần Thị S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Đ, sinh ngày 06/4/2009 và Huỳnh Anh T, sinh ngày 27/12/2017. Hiện nay đang sống với chị Trần Thị S.

Anh Huỳnh Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Huỳnh Thanh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0004593 ngày 09/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang